

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) Ở MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á VÀ CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GS. TS. DƯƠNG THỊ BÌNH MINH & ThS. NGUYỄN THANH THỦY

Dẩy mạnh thu hút FDI vào VN đòi hỏi môi trường đầu tư ở VN nói chung và TP.HCM nói riêng ngày càng hấp dẫn và có tính cạnh tranh trong tương quan so sánh với các nước đang phát triển. Các nước ở châu Á đi trước VN trong việc thu hút FDI đã thực hiện hàng loạt các giải pháp thuộc về luật pháp, chính sách, cơ chế nhằm tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp FDI. Bài viết áp dụng phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp để rút ra các bài học kinh nghiệm về hoàn thiện hơn nữa môi trường đầu tư tại TP.HCM và nghiên cứu vận dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của thành phố. Các bài học kinh nghiệm này cho thấy môi trường kinh tế vĩ mô với các thể chế công, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, các dịch vụ hỗ trợ và trình độ công nghệ, quản lý của một quốc gia có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thúc đẩy thu hút và giải ngân FDI ở VN và ở TP.HCM

1. Môi trường đầu tư thu hút vốn FDI ở một số nước trên thế giới

1.1. Trung Quốc

Trung Quốc là một quốc gia đang phát triển, là nước xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế thị trường chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Mở cửa - hội nhập kinh tế quốc tế là một bộ phận cấu thành trong toàn bộ chiến lược "Cải cách - Mở cửa" mà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thực thi từ năm 1979.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI là lĩnh vực quan trọng trong hoạt động kinh tế đối ngoại của Trung Quốc. Từ khi thực hiện chính sách cải cách, mở cửa đến nay nó được coi là "Chìa khóa vàng" của sự tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc. Hơn 20 năm thực hiện chính sách thu hút vốn FDI, nguồn FDI vào Trung Quốc đã tăng lên từng năm, từ 3 tỷ USD năm 1990 lên 40 tỷ năm 2000, 72 tỷ năm 2005 và 92,4 tỷ năm 2008 (theo thông tin từ website <http://www.dangcongsan.vn>) và Trung Quốc trở thành quốc gia thu hút vốn FDI lớn nhất thế giới. Hiệu quả của nguồn vốn FDI là khá cao. Theo tính toán, với 1 triệu USD vốn nước ngoài, Trung Quốc đã sử dụng được 117 lao động, doanh thu xuất khẩu đạt 342.000 USD, thu ngân sách được 53.000 USD. Trong tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Trung Quốc trong những năm qua, có khoảng 4-5% thuộc về tiền vốn bên ngoài, điều này có nghĩa là vốn FDI chiếm khoảng 3% tổng số vốn trong nước, đã đóng góp hơn 30% cho sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc.

Để tích cực, chủ động thu hút vốn FDI, chính phủ Trung Quốc đã áp dụng những biện pháp hết sức mềm dẻo, linh hoạt và rất có hiệu quả như từng bước mở rộng địa bàn thu hút vốn bên ngoài, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đa dạng hóa các loại hình đầu tư, áp dụng chính sách ưu đãi, ... Theo đánh giá chung, nhu cầu về vốn cho mục tiêu hiện đại hóa của Trung Quốc là rất lớn. Do đó, đồng thời với việc tích cực huy động vốn trong

nước, Trung Quốc sẽ còn tiếp tục khuyến khích đầu tư từ bên ngoài, đặc biệt là nguồn vốn FDI bằng cách những điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư sẽ tiếp tục được giữ vững, còn những khó khăn sẽ được nhìn nhận để sửa chữa khắc phục.

Một trong những kinh nghiệm đó là sự thống nhất quan điểm về thu hút vốn FDI từ trung ương xuống địa phương, thậm chí từng người dân “thu hút nguồn vốn FDI là yêu cầu cấp bách và cần thiết để phát triển kinh tế”. Chính phủ không phân biệt đối xử giữa các nguồn lực trong và ngoài nước, miễn có ích cho sự phát triển của đất nước đều được khuyến khích. Trung Quốc không ngừng cải thiện và nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư như từng bước hoàn thiện hệ thống pháp lý, mở rộng danh mục khuyến khích đầu tư theo thời gian, xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư, kích thích phát triển kinh tế trong nước, ổn định đồng tiền, xây dựng môi trường tài chính lành mạnh, phát triển cơ sở hạ tầng, tích cực hội nhập để mở cửa thị trường, có chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán phát triển.

Thu hút nguồn vốn FDI tại Trung Quốc có thể được chia làm 3 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn từ năm 1979 đến năm 1991: Thực hiện các dự án nhỏ cần nhiều lao động.

- Giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2000: Phát triển với quy mô lớn; ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư như nới lỏng hoạt động tín dụng, cắt giảm thuế quan, mở cửa đối với một số lĩnh vực nhạy cảm... nhằm thu hút nguồn vốn lớn.

- Giai đoạn sau gia nhập WTO: Thực hiện nguyên tắc tự do hóa đầu tư. Với chính sách này, chính phủ Trung Quốc tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào các lĩnh vực mà trước đây vẫn còn chưa mở cửa. Với chính sách này, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ cảm thấy được “đối xử” công bằng so với các nhà đầu tư trong nước, tạo môi trường đầu tư tự do và lành mạnh

Những yếu tố tác động đến việc thu hút nguồn vốn FDI tại Trung Quốc có hiệu quả:

- + Trung Quốc không có luật chung cho đầu tư nước ngoài mà chỉ quy định các hình thức đầu tư nước ngoài phù hợp và được thể chế hóa bằng các luật riêng rẽ nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể lựa chọn cho mình hình thức đầu tư thích hợp nhất.

- + Trung Quốc cho phép các nhà đầu tư nước

ngoài linh động chuyển đổi hình thức đầu tư. Điều này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp FDI có cơ hội tìm kiếm và sửa đổi hình thức đầu tư phù hợp nhất. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng có những quy định rất chặt chẽ về việc chuyển đổi các hình thức đầu tư để các bên nước ngoài và nước chủ nhà đều có lợi và song song tạo điều kiện để cơ quan quản lý FDI giám sát tốt các hoạt động của FDI.

- + Trung Quốc đã quy định rất thoáng nhưng rất chặt chẽ về góp vốn FDI không phải bằng tiền. Việc quản lý vốn này rất phức tạp như về định giá và mức độ hiện đại của công nghệ. Trung Quốc quy định rất thoáng về việc chỉ dựa vào thỏa thuận giữa các bên trên nguyên tắc công bằng và hợp lý hoặc được xác định bởi bên thứ ba theo sự thỏa thuận của các bên để tính giá trị các loại vốn góp. Tuy nhiên, Trung Quốc lại ra hàng loạt các yêu cầu khác phải đáp ứng để đảm bảo việc góp vốn này thực sự đem lại lợi ích cho nước chủ nhà như: Đảm bảo các máy móc đó thật sự cần thiết cho nền kinh tế, có khả năng tăng năng suất lao động, khả năng tạo sản phẩm mới thiết yếu cho tiêu dùng trong nước, ...

- + Trung Quốc cho phép các dự án FDI được phép thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn. Việc thế chấp này phải đăng ký với Sở Địa chính là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- + Trung Quốc đã tiến hành cải cách hành chính sâu rộng và triệt để theo hướng đơn giản và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài. Mở rộng thẩm quyền cho các địa phương để phát huy nội lực, tính chủ động sáng tạo của từng địa phương. Địa phương có thể quyết định hoặc phê chuẩn những dự án đầu tư dưới 30 triệu USD và chỉ cần báo cho Trung ương biết.

- + Thành lập các đặc khu kinh tế: Đặc khu kinh tế là 1 loại hình có khái niệm riêng, có cơ chế quản lý và vận hành riêng, ví dụ đặc khu kinh tế Hồng Kông, Thẩm Quyến bao gồm các khu công nghiệp, khu chế xuất với cơ sở hạ tầng tốt. Có nhiều chính sách ưu đãi về thuế, quyền sử dụng đất, thị trường sản phẩm, quản lý và kiểm soát hành chính.

- + Khuyến khích đầu tư đối với Hoa kiều trên quan điểm coi trọng tính dân tộc.

1.2. Thái Lan

Thái Lan khuyến khích FDI nhưng không có quy định phân biệt đối xử giữa công ty địa phương và Công ty nước ngoài. Ngay từ năm 1992, Chính

phủ thông qua Luật khuyến khích đầu tư, đến năm 1997 có sửa đổi lại theo khuynh hướng đẩy mạnh thu hút FDI. Vào thời điểm này những điều luật hấp dẫn đầu tư nước ngoài so với nhiều nước trong khu vực có thể nói là “quá mới mẻ”. Chỉ có về sau này, vào cuối thập kỷ 80 và sang 90, vai trò quan trọng của FDI đối với nền kinh tế mới chứng tỏ chính sách của Chính phủ là thực tế. FDI vào Thái Lan không chỉ đáp ứng nhu cầu vốn cho công nghiệp hóa mà còn mang theo cả kỹ thuật, kiến thức quản lý kinh doanh sản xuất và tạo ra nhiều thay đổi kinh tế - xã hội. Theo thông tin từ báo cáo của UNCTAD – Hội nghị Liên Hiệp Quốc về thương mại và phát triển, số liệu thu hút FDI của Thái Lan năm 2005 là 8,05 tỷ USD, năm 2006 là 9,01 tỷ USD và đến năm 2007 là 9,56 tỷ USD cho thấy tốc độ thu hút nguồn vốn FDI của Thái Lan.

Vụ Đầu tư (BOI) (theo Luận án Tiến sĩ – Trần Đăng Long) thường dành ưu tiên 100% vốn sở hữu của nước ngoài vào các dự án lớn nhằm tạo ra nhiều việc làm, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chú trọng vào các dự án tạo ra sản phẩm xuất khẩu, ... Trong giai đoạn 1997 – 1999, tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm sút và được phục hồi nhanh trong năm 2000, Thái Lan vẫn được xem là quốc gia thành công trong việc quản lý vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể như sau:

- Đơn giản hóa thủ tục, quy trình đầu tư: Thủ tục đầu tư đều là thủ tục một cửa đơn giản, với những hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Ở Thái Lan có Luật xúc tiến thương mại quy định rõ ràng cơ quan nào, ngành nào có nhiệm vụ gì trong việc xúc tiến đầu tư, thực hiện phân cấp, phân quyền, nâng cao quyền hạn nhiều hơn cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI. Nhà nước cho phép mỗi tỉnh, thành phố, khu tự trị có những đặc quyền trong quản lý, phê chuẩn dự án đầu tư.

- Công khai các kế hoạch phát triển kinh tế: Thái Lan thực hiện tốt công tác quy hoạch và công khai các kế hoạch phát triển đất nước từng giai đoạn, ngắn và trung hạn. Thái Lan chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng: hệ thống đường bộ, đường sắt, hệ thống sân bay, bến cảng, khu công nghiệp, kho bãi hiện đại, thuận lợi cho phát triển kinh tế và du lịch. Nước này cũng xây dựng thành công hệ thống viễn thông, bưu điện, mạng Internet thông suốt cả nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh quốc tế.

- Thái Lan có chính sách khuyến khích đầu tư linh hoạt. Những công ty nào có trên 50% sản phẩm xuất khẩu thì các nhà đầu tư nước ngoài sẽ chiếm được phần lớn cổ phần trong công ty, giảm thuế và miễn thuế khi đầu tư vào những vùng kinh tế khó khăn. Thái Lan miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ 3 đến 8 năm, miễn thuế nhập khẩu 90% đối với nguyên liệu, 50% đối với máy móc mà Thái Lan chưa sản xuất được.... Thời kỳ 1997 – 1999 là thời kỳ khó khăn của nền kinh tế, nhằm đối phó với khủng hoảng, quản lý tốt đầu tư nước ngoài để khôi phục nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành Luật kinh doanh mới dành cho các nhà đầu tư nước ngoài (tháng 10/1998). Với quy chế của Luật mới: Thiết lập nguyên tắc tự do kinh doanh cho người nước ngoài, thu hẹp lĩnh vực cấm và hạn chế đầu tư từ 68 lĩnh vực theo Luật 1972 xuống còn 38 lĩnh vực, nới lỏng các hạn chế về tỷ lệ sở hữu vốn nước ngoài, Thái Lan chấp nhận cho nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua lại toàn bộ cổ phần của các ngân hàng Thái Lan trong vòng 10 năm kể từ năm 1997.

- Cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được thuê đất dài hạn. Nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài mạnh dạn bỏ vốn lớn và có thời gian thu hồi được vốn đầu tư, Luật đầu tư mới của Thái Lan cũng nâng thời hạn thuê đất lên 100 năm (tại VN tối đa chỉ có thể 70 năm), cho phép nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu đất ở nếu đáp ứng đủ điều kiện (không quá 1.600m²)

- Nhà đầu tư FDI được quyền vay vốn với điều kiện tương tự như các nhà đầu tư trong nước. Chính sách này đã tạo được sự bình đẳng cho tất cả các công ty kinh doanh trong nước, không phân biệt nhà đầu tư trong nước và ngoài nước. Điều này tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài được phép vay vốn để mở rộng phát triển kinh doanh.

1.3. Singapore

Theo thông tin từ báo cáo của UNCTAD – Hội nghị Liên Hiệp Quốc về thương mại và phát triển, số liệu thu hút FDI của Singapore năm 2005 là 13,93 tỷ USD, năm 2006 là 24,74 tỷ USD và đến năm 2007 là 24,13 tỷ USD cho thấy tốc độ thu hút nguồn vốn FDI của Singapore. Vào những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, Singapore – một đảo quốc tách ra từ Malaysia - là một nước nghèo về kinh tế, lạc hậu về công nghệ kỹ thuật. Thế nhưng, đến cuối thập niên 80, đảo quốc nhỏ bé này đã trở thành thị trường tài chính tiền tệ lớn

thứ 4 trên thế giới, là nơi thu hút được nhiều kỹ thuật công nghệ cao của thế giới, tốc độ phát triển kinh tế của Singapore đạt ở mức cao trên thế giới... Kinh nghiệm tạo dựng môi trường đầu tư của đảo quốc này đang được các nước đang phát triển học tập để thực hiện chiến lược kinh tế mở.

Singapore không ban hành luật đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng qua việc tận dụng vốn đầu tư nước ngoài như là một quốc sách bằng các biện pháp mở rộng đầu tư quốc tế. Tùy theo từng giai đoạn phát triển khác nhau mà chính phủ xác định những ngành kinh tế mũi nhọn, từ đó có những chính sách khuyến khích đầu tư thích hợp.

- Điểm đầu tiên cần nhắc đến trong việc xây dựng môi trường đầu tư của Singapore là bộ máy quản lý hoàn hảo của chính phủ Singapore. Năm 2003, Singapore được bầu là nước có bộ máy công quyền không tham nhũng và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh đứng thứ 2 trong sách "Cạnh tranh thế giới" và được Tổ chức Môi trường Đầu tư Toàn cầu bầu là nước có lợi nhuận cao thứ hai cho các nhà đầu tư. Bộ máy quản lý trong sạch giúp các nhà đầu tư cảm thấy thoải mái và an tâm khi đầu tư ở nước này. Các tập đoàn nước ngoài đến tìm hiểu kinh doanh tại Singapore khó có cơ hội gặp gỡ trực tiếp các quan chức cao cấp trong bộ máy công quyền của Singapore.

- Sự nhạy bén trong hệ thống quản lý cũng như trong các nhà lãnh đạo của Singapore cho thấy họ đã nhận được tiềm năng xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế. Là một nước nhỏ bé không có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên, Singapore đã áp dụng chiến lược tranh thủ vốn và kỹ thuật nước ngoài nhưng không phụ thuộc nặng nề vào nước ngoài. Để thực hiện được chiến lược đó, Singapore đã phải dựa vào vị trí địa lý thuận lợi của mình là cầu nối và là điểm trung chuyển hàng hóa, kỹ thuật, tài chính giữa các nước trong khu vực Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Cải cách thị trường tài chính và hoàn thiện hệ thống ngân hàng là một trong những yếu tố quan trọng để tạo dựng một hệ thống các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư hoàn chỉnh của Singapore. Singapore lập ra các đặc khu kinh tế phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu của các nhà đầu tư nước ngoài. Hoạt động kinh tế của nhà đầu tư và thương nhân trong đặc khu kinh tế được hưởng nhiều ưu đãi về tài chính, tín dụng, tiền tệ và được hưởng thuế quan tự do...

- Giảm thuế TNDN cho các dự án đầu tư vào

ngành dịch vụ và công nghiệp chế tạo. Xây dựng nhiều vùng tự do mậu dịch, giảm thuế đối với các khoản chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển.

- Trong giai đoạn thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, Chính phủ tiến hành miễn giảm thuế đối với các dự án sản xuất hàng xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận xuất khẩu rất thấp, chỉ có 4% trong khi các xí nghiệp không xuất khẩu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đến 40%, miễn thuế nhập khẩu trang thiết bị, nguyên liệu đối với hàng hóa mà Singapore chưa sản xuất được.

- Singapore cho phép các tổ chức tài chính nước ngoài tham gia hoạt động kinh doanh ngoại tệ nhằm phát triển dịch vụ tài chính, hỗ trợ thêm nguồn vốn cho phát triển kinh tế. Đối với các dự án mũi nhọn cần phải đầu tư lớn và sinh lãi chậm, thời gian miễn thuế được chú trọng quan tâm hơn hoặc các dự án có vốn đầu tư thấp nhưng sản phẩm đạt chất lượng cao, sinh lợi nhiều vẫn được miễn thuế.

Ngoài ra, nhằm tạo ra sự ổn định cho các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm bỏ vốn đầu tư kinh doanh lâu dài, chính phủ Singapore đã công khai khẳng định không quốc hữu hóa tài sản của các nhà đầu tư nước ngoài.

1.4. Malaysia

Trong các nước đang phát triển, Malaysia được đánh giá là nước thành công trong thu hút FDI để thực hiện công nghiệp hóa. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, đa sắc tộc, tích lũy nội địa thấp, Malaysia luôn coi trọng nguồn vốn FDI đối với sự phát triển nền kinh tế đất nước vì coi đây là yếu tố then chốt để thực hiện công nghiệp hóa. Do quan điểm như vậy, Malaysia đã luôn tích cực cải thiện môi trường đầu tư của mình để thu hút đầu tư nước ngoài. Nhờ đó, dòng FDI đổ vào Malaysia ngày càng tăng và đã đóng góp to lớn tạo ra sự tăng trưởng "thần kỳ" cả nền kinh tế nước này trong nhiều năm qua. Nhờ vào chính sách đầu tư thông thoáng, đầu tư nước ngoài của Malaysia năm 1991 đạt 6,4 tỷ USD và đến năm 1996 chiếm hơn 1/2 tổng số vốn đầu tư trong cả nước. Các nước đầu tư lớn nhất vào Malaysia là Nhật, Đài Loan, tương ứng đạt 7,02 tỷ USD và 2,29 tỷ USD. Theo thông tin từ báo cáo của UNCTAD - Hội nghị Liên Hiệp Quốc về thương mại và phát triển, số liệu thu hút FDI của Malaysia năm 2005 là 3,97 tỷ USD, năm 2006 là 6,05 tỷ USD và đến năm 2007 là 8,4 tỷ USD cho thấy tốc độ thu hút nguồn

vốn FDI của Malaysia.

Mới 20 năm trước đây, Malaysia vẫn còn là nước xuất khẩu dầu thô, dầu thực vật, cao su, chì, gỗ và các nguyên liệu khác, tỷ lệ của hàng công nghiệp trong tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 22% vào những năm 1980, nhưng từ năm 1996, tỷ lệ đó đã lên 80 % và hiện nay Malaysia là một trong những trung tâm sản xuất điện tử cao cấp trên thế giới.

Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư của Malaysia chủ yếu tập trung vào:

- Xây dựng hệ thống chính trị ổn định và đoàn kết dân tộc;
- Hệ thống giáo dục vững mạnh;
- Hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại;
- Có kế hoạch phát triển kinh tế ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu rõ ràng;
- Có chương trình khuyến khích đầu tư tích cực cho cả người đầu tư trong và ngoài nước

2. Các bài học kinh nghiệm nhằm cải thiện môi trường đầu tư thu hút FDI cho TP.HCM

TP.HCM là một trong những khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm ở mức cao và nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với hệ thống giao thông khá thuận lợi, nguồn nhân lực dồi dào và hệ thống các khu công nghiệp tập trung đã và đang được xây dựng có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn, FDI thực sự trở thành nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển của cả nước nói chung và của riêng thành phố nói riêng; thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; mở ra nhiều ngành nghề, nhiều sản phẩm mới đa dạng, phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu tạo nguồn dự trữ ngoại tệ cho Nhà nước; đã dẫn nhập những công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên

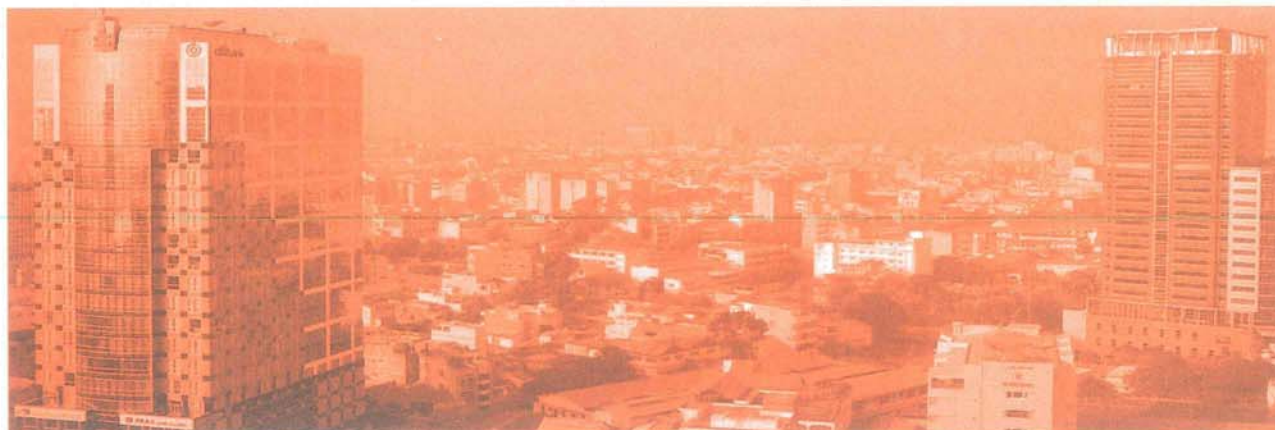
tiến vào việc phát triển kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động,...

Những lợi ích trên đã làm cho thu hút vốn đầu nước ngoài trở thành một vấn đề quan trọng mà Đảng và Nhà nước luôn quan tâm hàng đầu. Quyết định số 44/1998/QĐ- TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn từ nay đến 2010 ban hành ngày 23/02/1998: "Xây dựng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành một trong những vùng kinh tế phát triển nhanh, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn các vùng khác trong cả nước; phấn đấu nhịp độ tăng trưởng GDP thời kỳ từ nay đến 2010 đạt từ 13,5% đến 14,5%; đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng tạo động lực cho quá trình phát triển của vùng Nam Bộ và góp phần thúc đẩy nền kinh tế của cả nước. Chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá của vùng và toàn khu vực phía Nam"

Nguồn vốn FDI đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nhất là đối với các nước đang phát triển như VN trong việc tạo nguồn vốn ban đầu để phát triển kinh tế quốc gia. Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia về thu hút FDI và tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi, có thể rút ra một số kinh nghiệm quý giá cho TP.HCM như sau:

Thứ nhất: Cần xác định đúng nội dung thu hút nguồn vốn FDI và quy hoạch dự án FDI trong từng giai đoạn.

Có 2 quan điểm trong thu hút FDI vào VN. Quan điểm thứ nhất cho rằng tăng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài về mặt số lượng, bất kể vào lĩnh vực nào quy mô bao nhiêu, miễn là đầu tư. Quan điểm thứ hai cho rằng đã đến lúc chúng ta phải tăng thu hút FDI về mặt chất lượng, ưu đãi



đối với những lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cao, những lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất. Quan điểm thứ nhất hiện nay là phổ biến, hầu như các tỉnh, thành phố đều tập trung mọi cố gắng thu hút FDI vào địa bàn của mình bất kể ngành nào, sản phẩm gì, vì vậy FDI quá tập trung vào các ngành chế biến lương thực - thực phẩm: rượu, bia, nước giải khát, các ngành sản xuất hàng tiêu dùng; chưa có sự đầu tư thích đáng vào ngành sản xuất tư liệu sản xuất, chỉ đầu tư lắp ráp, cơ khí, điện tử.

Cần chú trọng phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, song điều đó không có nghĩa là không chú trọng thu hút FDI vào phát triển các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp nặng để đảm bảo sản xuất hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Bài học quan trọng nhất của các nước NIC trong những năm qua là phải xây dựng được một cơ cấu sản phẩm hợp lý, một cơ cấu sản phẩm phải tự sản xuất các tư liệu sản xuất cung cấp cho toàn bộ nền kinh tế, tập trung thu hút FDI vào các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật, vốn cao do các sản phẩm công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động mất khả năng cạnh tranh quốc tế, sức lao động không còn là lợi thế nữa.

Cần có chính sách ưu tiên phát triển ngành trong từng tỉnh và khu công nghiệp mà vừa qua chúng ta còn chưa có. Trước hết cần coi trọng và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài dựa trên lợi thế của từng tỉnh và khu công nghiệp. Đối với một số vùng cần nêu bật định hướng thu hút FDI vào một số ngành, các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và vốn cao, các ngành hỗ trợ và liên quan.

Cần phải có chính sách chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, nếu không chúng ta sẽ chỉ là một thị trường tiêu thụ khổng lồ với dân số tính đến năm 2008 là 86,2 triệu dân cho các nước.

Thứ hai: Môi trường an ninh chính trị - kinh tế xã hội ổn định và nâng cao vai trò nhà nước.

Là một vấn đề được nhiều quốc gia đã thực hiện thành công việc thu hút nguồn vốn FDI và xem đây là một trong những điều kiện quan trọng để đảm bảo hiệu quả cho hoạt động đầu tư, ổn định kinh tế vĩ mô để thu hút nguồn vốn FDI vì điều đó tạo ra một môi trường đầu tư ổn định và tránh được rủi ro cho các nhà đầu tư.

Nhà nước, cụ thể là các cấp lãnh đạo có liên

quan cấp thành phố, cần tăng cường kiểm tra, đánh giá nhiều hơn nữa đến các dự án FDI, từ đó có các biện pháp hỗ trợ kịp thời cho những dự án FDI khả thi, đồng thời hạn chế những dự án FDI không có hiệu quả, đầu tư chậm so với tiến độ dự án.

Thứ ba: Cần có những kiến nghị lên các cấp Bộ, chính quyền nhà nước Trung ương về hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng thông thoáng hơn.

Trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, sử dụng chính sách thuế như một công cụ chủ đạo nhằm thu hút FDI, huy động mọi nguồn lực cho việc phát triển kinh tế đất nước. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Hệ thống pháp luật đồng bộ, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư: Những quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài phải được quan tâm bằng cách thường xuyên bổ sung, sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài, đảm bảo tính thực thi nghiêm túc. Những hoạt động thanh tra trái phép, thu lệ phí hay áp đặt thuế sai quy định đối với các doanh nghiệp nước ngoài bị xử lý nghiêm khắc. Nhiều quy định được xóa bỏ để phù hợp với pháp luật kinh doanh quốc tế như tỷ lệ nội địa hóa, cân đối ngoại tệ. Phạm vi ngành nghề được phép đầu tư được mở rộng.

Thực hiện các ưu đãi về thuế: Thu nhiều nhất lợi nhuận từ dự án luôn là mục đích hàng đầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nhiều nước châu Á đã có những chính sách tài chính hấp dẫn cho các nhà đầu tư như giảm thuế, ưu đãi tiền tệ, cho vay ngoại tệ...nhằm thu hút nhiều nhất nguồn vốn FDI vào các nước này. Đồng thời phải đưa ra những chính sách cắt giảm thuế hấp dẫn đối với các dự án đầu tư nước ngoài. Các dự án đầu tư vào đặc khu kinh tế, khu công nghệ cao sẽ được ưu đãi về thuế, các dự án đầu tư vào các vùng kinh tế khó khăn sẽ được thuê đất miễn phí hoặc hưởng các ưu đãi nhiều hơn về thuế.

Thứ tư: Cần chú trọng và tập trung đầu tư vào cơ sở hạ tầng kinh tế nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Chính sách giá chưa hợp lý, chi phí đầu tư vào VN còn quá cao, làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm VN, làm nản lòng các nhà đầu tư. Tại hội thảo chuyên đề về giá cước của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) diễn ra tại Hà Nội trong hai ngày 4 - 5/3/2009, Bộ Thông tin và Truyền thông VN đã tái khẳng định xu hướng quản lý giá

cước của VN vẫn sẽ vận hành theo cơ chế thị trường và sẽ tiếp tục giảm cước để tương đương với các nước láng giềng. Trong năm 2008, mức cước điện thoại di động của VN đã giảm mạnh ở mức 0,07 USD/phút, thấp hơn so với các nước phát triển như Bỉ (0,23 USD/phút), Anh (0,19 USD/phút), Pháp (0,17 USD/phút) và thấp hơn quốc gia châu Á Malaysia (0,09 USD/phút). Tuy nhiên, mức cước di động của VN vẫn còn cao hơn so với nhiều nước châu Á khác, như Thái Lan (0,05 USD/phút), Pakistan (0,04 USD/phút), Trung Quốc (0,03 USD/phút) và Ấn Độ (0,02 USD/phút)...

Các chi phí và lệ phí liên quan đến giao nhận tại các cảng biển và sân bay quá cao. Có 12 loại phí và lệ phí bất hợp lý mà doanh nghiệp phải nộp như phí lưu kho sân bay 1.200 đ/kg, phí an ninh 230 đ/kg, phí lao vụ 0,06 USD/kg, phụ phí xăng dầu 30 USD/container 20 feet, 60 USD/container 40 feet, hàng lẻ 2,5 USD/m³, phí nâng hạ 300.000-360.000 đ/container 20 feet, thu phí đường bộ 80.000 đồng/ lượt đối với xe tải 18 tấn trở lên. Giá điện cao hơn 50%, giá nước cao hơn 71% so với ASEAN, Trung Quốc.

Để giảm chi phí đầu vào, mà hiện nay chủ yếu là do các doanh nghiệp nhà nước nắm, cần ngăn chặn việc biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước. Chi phí cho đất đai ngày càng tăng. Từ năm 1996 trở lại đây thị trường kinh doanh đất sôi động. Đất đai ngày càng giá cao. Giá đất lớn, giá đền bù lớn, giá san lấp mặt bằng lớn. Giá cả đất đai của thành phố VN cao hơn so với các nước trong khu vực, giá thuê đất TP.HCM gấp 4-6 lần Trung Quốc, 6 lần Thái Lan. Tình hình này ảnh hưởng lớn đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chính phủ cần kiểm soát chặt thị trường bất động sản do thị trường bất động sản là một thị trường không hoàn hảo, dễ dẫn đến những độc quyền trong cạnh tranh, tạo nên cơn sốt giá, nâng giá đất giả tạo, làm cho chi phí đầu tư của FDI nước ta cao hơn so với các nước trong khu vực.

Xây dựng cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng hiện đại, thuận tiện cho việc buôn bán và giao lưu quốc tế luôn là yếu tố quan trọng hấp dẫn các nhà đầu tư. Các nước châu Á như Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc đã thấy được tiềm năng thu hút nguồn vốn FDI từ yếu tố này. Chính vì vậy, cần tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng: nhà xưởng, đường giao thông, viễn thông, dịch vụ...nhằm tạo môi trường hấp dẫn và dễ dàng cho các nhà đầu tư khi

hoạt động trên đất nước mình.

Thứ năm: Cải cách các thủ tục hành chính.

Đơn giản hóa thủ tục đầu tư theo hướng ngày càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư nước ngoài không chỉ là yêu cầu của các tổ chức kinh tế thế giới và khu vực mà còn là yêu cầu cấp bách đối với việc cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài.

Đơn giản hóa thủ tục, quy trình đầu tư: Thủ tục đầu tư ở các nước thu hút thành công nguồn vốn FDI đều là thủ tục một cửa đơn giản, với những hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Ở Thái Lan có Luật xúc tiến thương mại quy định rõ ràng cơ quan nào, ngành nào có nhiệm vụ gì trong việc xúc tiến đầu tư. Trung Quốc thực hiện phân cấp, phân quyền, nâng cao quyền hạn nhiều hơn cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI. Nhà nước cho phép mỗi tỉnh, thành phố, khu tự trị có những đặc quyền trong quản lý, phê chuẩn dự án đầu tư...

Thứ sáu: Tăng cường các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ để thu hút nguồn vốn FDI.

Cho phép nhà đầu tư hoạt động mở rộng trên thị trường tài chính dưới sự kiểm soát của các cơ quan hữu quan như cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia các hoạt động của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, sáp nhập và mua lại các công ty trong nước, giao dịch ngoại hối..., mở rộng các quy định về ngoại hối, vay ngoại tệ.

Thứ bảy: Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Để tạo sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, TP.HCM cũng rất quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư. Trong thời gian tới TP.HCM sẽ tập trung đầu tư vào công tác đào tạo nguồn nhân lực cao và lao động lành nghề, khuyến khích liên kết, hợp tác giữa các trường trong nước với nước ngoài và đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố. Trong trường hợp thiếu lao động trình độ cao, thành phố không hạn chế doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng lao động người nước ngoài thuộc ngành dịch vụ, công nghệ cao, chuyên gia cao cấp và lao động lành nghề.

Thứ tám: Chú trọng hệ thống quản lý và giám sát sử dụng nguồn vốn FDI.

Đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn FDI. Luồng vốn FDI thu hút kỷ lục trong năm 2008 đã

chứng tỏ, ngay trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp, không thuận, cả ở bên ngoài và bên trong nền kinh tế, VN vẫn tiếp tục là điểm đến hứa hẹn của FDI. Báo cáo của Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật (JBIC) cũng cho thấy, VN đứng thứ ba sau Trung Quốc và Ấn Độ về độ hấp dẫn đầu tư. Quan trọng hơn, VN (cùng Ấn Độ) đang là thị trường mới nổi ngày càng được các công ty Nhật quan tâm do lợi thế về chi phí lao động, tiềm năng phát triển, điểm đến đầu tư tốt để đa dạng hóa rủi ro.

Tuy nhiên, việc vốn FDI đăng ký lớn cũng là áp lực trong việc thu hẹp khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện, bên cạnh đó là sự mất cân đối trong các lĩnh vực thu hút FDI. Vốn FDI đăng ký vào các dự án liên quan đến bất động sản và khách sạn, các dự án công nghiệp nặng (thép, dầu khí) liên tục tăng cao. Đây đều là các dự án không tạo ra nhiều việc làm. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký vào các dự án chế biến sử dụng nhiều lao động (công nghiệp nhẹ, chế biến thực phẩm, nông lâm ngư nghiệp) lại giảm. Như vậy, sự chuyển dịch cơ cấu FDI thời gian qua chưa phù hợp với tiềm năng, lợi thế, và lợi ích quốc gia.

Do xu thế phân cấp mạnh mẽ quản lý đầu tư xuống các địa phương trong khi năng lực chưa phù hợp và tinh thần trách nhiệm chưa cao, dẫn đến hàng loạt các dự án đã được cấp phép khá dễ dàng mà không xem xét thấu đáo tác động toàn diện của dự án đó. Công tác giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chưa đi vào nền nếp nên chưa kịp thời phát hiện và xử lý những sai phạm trong quản lý đầu tư và xây dựng.

Bên cạnh đó, cần thay đổi tư duy, có quan điểm mới về thu hút và giám sát sử dụng vốn FDI, đề ra các chính sách phù hợp để loại bỏ các dự án không mong muốn và khuyến khích các dự án cần thiết; chú trọng đến chất lượng, mức độ thân thiện với môi trường, mức độ sử dụng tài nguyên và nguồn lực quý hiếm, đề cao trách nhiệm xã hội của nhà đầu tư..., từ đó đưa ra các tiêu chí phù hợp để thẩm định các dự án FDI. Mặt khác, FDI tăng đột biến đã làm việc giải ngân chậm lại do nền kinh tế không đủ khả năng hấp thụ dòng vốn khổng lồ. Thách thức đối với việc triển khai các dự án FDI hiện nay là kết cấu hạ tầng kém phát triển, nguồn nhân lực quản lý thiếu, công nghiệp phụ trợ yếu, và việc thực thi luật pháp thiếu rõ ràng và chưa nghiêm■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Lê Xuân Bá (2006), *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở VN*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật
2. Phạm Đỗ Chí (2004), *Kinh tế VN trên con đường hóa rồng*, NXB Trẻ
3. Luật gia Vũ Văn Đình (2003), *Doanh nghiệp trước ngưỡng cửa hội nhập*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội
4. TS. Nguyễn Thị Liên Hoa (2003), "Xây dựng một lộ trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài", tạp chí *Kinh tế phát triển* tháng 12/2003
5. *VN với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế* (2003), NXB Thống kê
6. Tạp chí *Tài chính* các số năm 2008 và 2009
7. Tạp chí *Phát triển kinh tế* các số năm 2008 và 2009
8. Thông tin từ các trang web:
www.gov.vn
www.mpi.gov.vn
<http://www.dddn.com.vn>
<http://fia.mpi.gov.vn>
<http://vi.wikipedia.org>
<http://www.vir.com.vn>
<http://www.saga.vn/Taichinh>
www.luatvietnam.com.vn

